TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2886/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 03 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 149; 212; 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 58 do Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/10/2016.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1360/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Anh T, sinh năm 1990

Căn cước công dân số: 07509002****.

Do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 18/3/2023.

Địa chỉ: số E đường N, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1989

Căn cước công dân số: 07918900****.

Do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 14/11/2022.

Địa chỉ: số C Đường số I, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 6 năm 2024, các đương sự có mặt tại buổi hòa giải thống nhất việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ

không thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Phạm Anh T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Ngọc Trúc L1, sinh ngày 04/8/2017. Hai bên thỏa thuận giao con chung Phạm Ngọc Trúc L1 cho bà Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thực hiện cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Phạm Anh T tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Phạm Anh T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Ngọc Trúc L1, sinh ngày 04/8/2017. Hai bên thỏa thuận giao con chung Phạm Ngọc Trúc L1 cho bà Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phạm Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Hồng L có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Phạm Anh T chưa thi hành, thì hàng tháng ông Phạm Anh T còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Phạm Anh T tự nguyện chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Phạm Anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0027293 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Phạm Anh T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Nguyệt